

HIẾN CHƯƠNG

HỘI THÁNH TIN LÀNH LIÊN HIỆP

TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Hiến chương này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động và mối quan hệ trong Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam (sau đây được gọi là “Giáo hội”).

2. Hiến chương này áp dụng cho tất cả các thành viên của Giáo hội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Hiến chương này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giáo hội*: Toàn thể Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam, bao gồm từ trung ương đến địa phương.

2. *Tổng hội*: Cấp trung ương của Giáo hội.

3. *Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội*: Ban Lãnh đạo của Giáo hội, bao gồm các thành viên Ban Thường trực Tổng hội, Tổng Ủy viên, các Trưởng ban Mục vụ, Trưởng Cơ quan, Ủy Ban trực thuộc Tổng hội.

4. *Ban Thường trực Tổng hội*: Ban Lãnh đạo cao nhất của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

5. *Đại Hội đồng Tổng hội*: Đại hội đại biểu của toàn Giáo hội, được Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội triệu tập và tổ chức.

6. *Hội Thánh địa phương*: Là tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

7. *Điểm nhóm*: Là nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; điểm nhóm trực thuộc Tổng hội hoặc Hội thánh địa phương.

8. *Giáo phẩm*: Tín hữu đã dâng đời sống phục vụ Chúa; được đào tạo và huấn luyện, đủ tiêu chuẩn được Giáo hội tấn phong phẩm vị: truyền đạo, mục sư.

9. *Chấp sự*: Tín hữu có đời sống đạo đức, phẩm hạnh tương thích với Kinh Thánh (ITimôthê 3:8-13), có tâm tình phục vụ Chúa trong Hội thánh địa phương.

Chương II

DANH XUNG, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC, ĐƯỜNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Danh xưng của Giáo hội

Tên tiếng Việt: **HỘI THÁNH TIN LÀNH LIÊN HIỆP TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM**, viết tắt là “**HTTL LHTGVN**”

Tên tiếng Anh: **VIETNAM UNITED GOSPEL OUTREACH CHURCH**, viết tắt là “**UGOC**”.

Điều 4. Giáo hiệu và con dấu

1. Mô tả Giáo hiệu:

a. Hình thập tự giá (màu đỏ) biểu tượng cho sự chết của Chúa Jesus để cứu chuộc nhân loại.

b. Hình Kinh thánh (nền trắng với viền sách màu đỏ) biểu tượng lời Đức Chúa Trời, làm chuẩn mực cho đức tin và đời sống tín hữu.

c. Hình ngọn lửa có dạng chữ S (nửa màu đỏ, nửa màu xanh) biểu tượng Đức Thánh Linh, Đấng xây dựng và bảo tồn Hội thánh.

d. Hình con đường trông như dòng sông uốn khúc (màu đỏ) dẫn đến chân thập tự giá là biểu tượng con đường dẫn đến Chúa Jesus.

e. Dòng chữ in hoa: **HỘI THÁNH TIN LÀNH LIÊN HIỆP TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM**.

2. Con dấu của Giáo hội:

a. Con dấu của Tổng hội: Một vòng tròn, phần trên là hàng chữ: **HỘI THÁNH TIN LÀNH LIÊN HIỆP TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM**, phần dưới là địa danh (hai cấp) nơi đặt trụ sở của Hội thánh. Bên trong là Giáo hiệu, dưới Giáo hiệu là chữ **TỔNG HỘI** (Xem hình minh họa):



b. Con dấu của Hội thánh địa phương giống như con dấu của Tổng hội, nhưng nhỏ hơn, bên dưới Giáo hiệu là tên Hội thánh địa phương và địa danh nơi đặt trụ sở của Hội thánh địa phương (Xem hình minh họa):



Điều 5. Trụ sở và địa bàn hoạt động

1. Trụ sở của Giáo hội đặt tại 157/15/8 Nguyễn Gia Trí (số cũ: R5, D3), phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Việc thay đổi trụ sở phải do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội quyết định theo đa số (quá bán).

2. Giáo hội hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam; và ở nước ngoài nơi có cộng đồng người Việt sinh sống.

Điều 6. Tôn chỉ và mục đích

Kính mến Chúa, yêu người; thờ phượng Đức Chúa Trời, truyền giảng Tin Lành, xây dựng Hội Thánh. (Ma-thi-ơ 22:37, 39; Mác 16:15; Công vụ 16:5).

Điều 7. Đường hướng

Đường hướng hoạt động của Giáo hội: "Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ cộng đồng, dân tộc, tuân thủ hiến pháp và pháp luật".

Điều 8. Tín lý

Tín lý của Giáo hội căn cứ trên Kinh Thánh (Cựu Ước và Tân Ước gồm 66 sách, ấn bản 1925) làm nền tảng cho mọi giải thích và thực hành đức tin Cơ đốc (chương IV Hiến chương).

Điều 9. Lễ nghi

Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam có các lễ nghi:

1. Lễ Báp-têm
2. Lễ Tiệc thánh
3. Lễ Giáng sinh
4. Lễ Thương khó
5. Lễ Phục sinh
6. Lễ Thăng thiên
7. Lễ Đức Thánh Linh Giáng lâm
8. Lễ Hiếu kính cha mẹ
9. Lễ Dâng con
10. Lễ Xức dầu Cầu nguyện cho người bệnh
11. Lễ Cảm tạ
12. Lễ Tấn phong Mục sư, Truyền đạo

13. Lễ Bỏ nhiệm
14. Lễ Khánh thành
15. Lễ Cung hiến
16. Lễ Thành hôn
17. Lễ Tang

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC GIÁO HỘI

Điều 10. Nguyên tắc tổ chức

1. Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam là Giáo hội do người Việt Nam thành lập và tổ chức theo nguyên tắc thống nhất từ trung ương đến địa phương, dân chủ, công khai, bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín (tỉ lệ số phiếu quá bán).

2. Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam là tổ chức tôn giáo độc lập, bình đẳng với các tổ chức, các tôn giáo khác trong và ngoài nước.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức Giáo hội

Giáo hội tổ chức theo hai (02) cấp: địa phương và trung ương.

1. Cấp địa phương: bao gồm các Hội thánh địa phương và Điểm nhóm trực thuộc Tổng hội hoặc Hội thánh địa phương.

2. Cấp trung ương: Tổng hội. Cơ quan lãnh đạo Tổng hội là Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

Ngoài ra, còn có Ban Đại diện các tỉnh, thành phố.

Điều 12. Các Cơ quan, Ủy ban, Hội đồng Quản trị

Tùy theo nhu cầu của Giáo hội, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thành lập các cơ quan, ủy ban, hội đồng, tiểu ban... trực thuộc Tổng hội.

Mục 1

HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐIỂM NHÓM

Điều 13. Hội thánh địa phương

1. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội thánh địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

2. Phân hạng Hội thánh địa phương:

Hội Thánh địa phương tự trị: Hội thánh đã tự lập về tài chính

Hội Thánh địa phương tự dưỡng: Hội Thánh chưa thể tự lập tài chính.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thánh địa phương

1. Tổ chức cho tín hữu thờ phượng Chúa, dạy lời Đức Chúa Trời, rao giảng Tin Lành của Chúa Jesus Christ; xây dựng đức tin tín hữu theo đời sống gương mẫu của Chúa Jesus trong Hội Thánh và cộng đồng.

2. Tuân thủ Hiến chương, Nội quy và Quy chế của Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam.

3. Thực hiện Lời Chúa dạy: ngoài dâng 1/10, còn phải dự phần tài chính cho truyền giáo, dự án phát triển Hội thánh... của Giáo hội.

4. Được thành lập các Điểm nhóm trực thuộc theo sự uỷ quyền của Ban Thường trực Tổng hội.

5. Trước khi mời tổ chức, cá nhân người nước ngoài vào hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo; cử chức sắc, chức việc, tín đồ ra nước ngoài thực hiện hoạt động tôn giáo; tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo ở nước ngoài phải thông qua và được sự chấp thuận của Ban Thường trực Tổng hội bằng văn bản.

6. Thi hành các quyết định của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội về việc: thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội Thánh địa phương, giải thể điểm nhóm; phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, điều động, suy cử, kỷ luật theo Hiến chương, Quy chế, Nội quy của Giáo hội.

7. Hoạt động dưới sự giám sát và linh hướng của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

8. Được Tổng hội đầu tư cho việc huấn luyện nhân sự và giúp định hướng phát triển. Được tự vận động kinh phí xây dựng, phát triển Hội thánh địa phương, giúp đỡ cộng đồng.

9. Được cử đại biểu tham dự Đại hội đồng theo quyết định của Hội Đồng Quản nhiệm Tổng hội.

10. Được Tổng hội công nhận và cấp Giấy Chứng nhận Hội thánh Tự quản hoặc Hội thánh Tự dưỡng. Giấy chứng nhận của Tổng hội chỉ có giá trị trong nội bộ.

Điều 15. Ban Quản nhiệm Hội Thánh địa phương

1. Thành phần gồm: Quản nhiệm, Thư ký, Thủ quỹ.

Tuỳ theo nhu cầu của Hội thánh mà Ban Quản nhiệm Hội thánh địa phương có thể mời các uỷ viên để phụ trách các ban ngành.

2. Quản nhiệm Hội Thánh địa phương, Thư ký, Thủ quỹ không được có liên hệ huyết thống gần (cha, mẹ, con, anh, em, vợ, chồng).

3. Nhiệm kỳ của Ban Quản nhiệm Hội Thánh địa phương là bốn (04) năm.

Điều 16. Điều kiện, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Quản nhiệm Hội Thánh địa phương

1. Quản nhiệm Hội Thánh địa phương:

a. Điều kiện: Quản nhiệm Hội thánh địa phương phải hội đủ các điều kiện sau:

- Là truyền đạo hoặc mục sư;
- Được Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội bổ nhiệm.
- Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Thi hành các Thánh lễ và nghi lễ trong Hội Thánh, giảng dạy và hướng dẫn Hội Thánh làm theo lời Đức Chúa Trời, đúng với Hiến chương của Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam.

- Mở các lớp Bồi dưỡng Giáo lý để trang bị kiến thức Kinh Thánh cho tín hữu trong Hội Thánh Địa phương và Điểm nhóm trực thuộc, hoặc Điểm nhóm do Ban Thường trực Tổng hội uỷ quyền.

- Phổ biến các thông báo, thực hiện các kế hoạch của Hội đồng Quản nhiệm Tổng Hội. Trình Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

- Lập kế hoạch, đưa ra đường hướng phát triển Hội Thánh.

- Chịu trách nhiệm giữ, sử dụng và bảo quản con dấu.

- Chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội và trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội Thánh.

- Triệu tập, chủ tọa Hội đồng Hội Thánh địa phương và các cuộc họp.

2. Thư ký:

a. Điều kiện:

- Do Hội thánh địa phương bầu chọn

- Và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật

b. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Quản lý hồ sơ, sổ sách của Hội Thánh.

- Thực hiện các công việc khi được Quản nhiệm uỷ quyền.

- Khai trình hồ sơ, sổ sách khi lãnh đạo yêu cầu.

3. Thủ quỹ:

a. Điều kiện:

- Do Hội thánh địa phương bầu chọn

- Và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật

b. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Quản lý tài chính, sổ sách và tài sản của Hội Thánh.

- Thu, chi theo quy định của Hội Thánh và các khoản thu chi khác để giải quyết những nhu cầu phù hợp Kinh Thánh và ích lợi cho công việc Chúa theo đề xuất của Quản nhiệm Hội thánh.

- Khai trình sổ sách và tài chính khi lãnh đạo yêu cầu.

Điều 17. Hội đồng Hội thánh địa phương

1. Hội đồng Hội thánh địa phương được tổ chức định kỳ mỗi bốn (04) năm một lần để bầu cử Thư ký, Thủ quỹ Ban Quản nhiệm Hội thánh địa phương.

2. Quản nhiệm Hội thánh địa phương là người chịu trách nhiệm triệu tập Hội đồng Hội thánh, giới thiệu nhân sự để Hội đồng bầu cử vào các chức vụ Thư ký, Thủ quỹ Hội thánh. Nhân sự do Quản nhiệm Hội thánh giới thiệu phải được công bố công khai trong Hội thánh biết trước ngày diễn ra Hội đồng ít nhất 30 ngày.

3. Đại biểu tham dự Hội đồng gồm: Ban Quản nhiệm Hội thánh đương nhiệm, đại biểu tín đồ.

Điều 18. Điểm nhóm:

1. Điểm nhóm trực thuộc Hội thánh địa phương: Do Hội thánh địa phương thành lập. Người đại diện Điểm nhóm do Quản nhiệm Hội thánh đề xuất và được Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thông qua.

2. Điểm nhóm trực thuộc Tổng hội: Do Ban mục vụ thành lập. Người đại diện Điểm nhóm do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội quyết định.

Điều 19. Nhiệm vụ và Quyền hạn của Điểm nhóm:

1. Tuân thủ Hiến chương, Nội quy và Quy chế của HTTL LHTGVN.

2. Thực hiện lời Chúa dạy dâng hiến 1/10 và các của dâng vào ngân quỹ Điểm nhóm, và nộp 1/10 vào ngân quỹ Tổng hội.

3. Cử đại biểu dự Đại Hội đồng Tổng hội theo số lượng Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội phân bổ.

Điều 20. Tín hữu

1. Người tiếp nhận Chúa Jesus Christ làm Cứu Chúa, sinh hoạt thường xuyên tại Hội Thánh địa phương, thực hành tín lý, tuân thủ tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam theo quy định của Hiến chương này.

2. Bao gồm tín hữu đã chịu Báp-têm là tín hữu chính thức và tín hữu chưa chịu Báp-têm.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn tín hữu

1. Tôn trọng thẩm quyền tuyệt đối của Kinh thánh (66 sách); kết ước trung tín nhóm lại thờ phượng Đức Chúa Trời; sốt sắng rao giảng Tin lành của Chúa Jesus Christ; tích cực dâng hiến phần mười (1/10) và của dâng lạc hiến. Trau dồi đời sống, phẩm hạnh phù hợp với sự dạy dỗ của Kinh Thánh.

2. Được nhận lãnh sự chăm sóc thuộc linh và dự phần phục vụ Chúa trong Hội thánh địa phương. Được giới thiệu khi chuyển đến địa phương khác.

3. Tín hữu chính thức có quyền góp ý, bầu cử, ứng cử vào các chức vụ trong Hội thánh địa phương theo Nội quy của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ban hành.

4. Được Tổng hội cấp giấy chứng nhận Báp-têm sau khi nhận Thánh lễ Báp-têm.

Mục 2

TỔNG HỘI

Điều 22. Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội

1. Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội gồm:

a. Ban Thường trực Tổng hội do đại biểu Đại Hội đồng Tổng hội bầu cử gồm: Tổng Quản nhiệm, Phó Tổng Quản nhiệm, Tổng Thư ký, Tổng Thủ quỹ và các Tổng Ủy viên Thường trực;

b. Các tổng ủy viên do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội trình Đại hội đồng Tổng hội thông qua theo đề xuất của Ban Thường trực Tổng hội.

2. Thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội phải là Mục sư đương chức, 30 tuổi trở lên, đã từng phục vụ trong chức vụ Mục sư tối thiểu là tám (08) năm và hội đủ các điều kiện pháp luật quy định, trong đó:

- Tổng Quản nhiệm và Phó Tổng Quản nhiệm: Phải trải qua ít nhất hai (02) nhiệm kỳ liên tục trong Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội; đã phục vụ trong chức vụ Mục sư tối thiểu mười hai (12) năm; trình độ học vấn tối thiểu cử nhân.

- Một người không được giữ chức vụ Tổng Quản nhiệm quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.

- Tổng Thư ký, Tổng Thủ quỹ và các Tổng Ủy viên: Phải trải qua ít nhất một (01) nhiệm kỳ trong Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội, đã phục vụ trong chức vụ Mục sư tối thiểu là tám (08) năm liên tục.

- Thành viên Thường trực Tổng hội không được có liên hệ huyết thống gần (cha, mẹ, con, anh, em, vợ chồng).

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội

1. Lãnh đạo, điều hành, thiết lập chính sách, mục tiêu và kế hoạch phát triển Giáo hội.

2. Thi hành Hiến chương, các nghị quyết Đại hội đồng Tổng hội; ban hành các văn bản thực hiện Hiến chương, bao gồm Nội quy, Giáo luật và các Quy chế.

3. Chịu trách nhiệm báo cáo về các lĩnh vực hoạt động trước Đại Hội đồng Tổng hội.

4. Phân công các Tổng Ủy viên phụ trách các cơ quan, ban mục vụ khu vực tỉnh thành.

5. Tấn phong, ngưng chức, cách chức, luân chuyển mục sư, truyền đạo;

6. Bổ nhiệm trưởng các ban mục vụ, cơ quan, quản nhiệm Hội Thánh địa phương, đại diện Điểm nhóm.

7. Thành lập Ban Đại diện tỉnh, thành phố.

8. Công nhận, thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể Hội Thánh địa phương, các ban mục vụ và cơ quan thuộc Tổng hội theo Quy chế, Nội quy của Giáo hội và pháp luật.

9. Thông qua dự thảo nội dung Đại hội, dự kiến nhân sự tham gia Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội nhiệm kỳ kế tiếp và dự thảo Hiến chương sửa đổi do Ban Thường trực Tổng hội chuẩn bị trước khi trình Đại hội đồng Tổng hội.

10. Quyết định việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo hoặc cử chức sắc, tín hữu trong Giáo hội đi hoạt động tôn giáo, tham gia đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo ở nước ngoài.

11. Tổ chức Hội đồng Bồi linh (khu vực, tỉnh/thành phố, toàn Giáo hội).

12. Khen thưởng, kỷ luật, thu chi tài chính của Giáo hội theo Quy chế của Giáo hội.

13. Họp định kỳ hai (02) tháng một lần. Phiên họp bất thường do Thường trực Tổng hội triệu tập.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Tổng hội

1. Thực hiện nghị quyết của Đại Hội đồng Tổng hội, triển khai các quyết định của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội và ban hành các văn bản của Giáo hội; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

2. Có nhiệm vụ điều hành công việc thường xuyên, cấp bách của Giáo hội, dự thảo các kế hoạch, nội dung và triệu tập các kỳ họp của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

3. Mỗi tháng họp định kỳ một lần. Trường hợp họp bất thường phải do Tổng Quản nhiệm triệu tập hoặc 2/3 Ủy viên Thường trực yêu cầu.

4. Giám sát tổng quát, xem xét các kế hoạch, đề nghị... của Hội thánh địa phương; ban mục vụ, hội đồng, cơ quan của Giáo hội, để thông qua (bằng văn bản).

5. Chuẩn bị nội dung Đại hội, dự kiến nhân sự tham gia Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội nhiệm kỳ kế tiếp và dự thảo Hiến chương sửa đổi (nếu có) trình Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thông qua trước khi trình Đại hội đồng.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Thường trực Tổng hội

1. Tổng Quản nhiệm:

a. Lãnh đạo và điều hành Giáo hội; triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Tổng hội, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

b. Giám sát tất cả hoạt động có liên quan đến Giáo hội, công việc văn phòng; ký các văn kiện hợp pháp và giấy tờ hành chính của Giáo hội.

c. Thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực và Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ủy thác.

d. Đại diện Giáo hội trước nhà nước, các tổ chức và các tôn giáo khác.

2. Phó tổng Quản nhiệm:

a. Hỗ trợ Tổng Quản nhiệm; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực và Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ủy thác.

b. Tham mưu cho Tổng Quản nhiệm về các vấn đề phát triển Hội thánh, cơ cấu tổ chức, đường lối của Giáo hội và việc đối nội, đối ngoại.

c. Xử lý thường vụ Tổng Quản nhiệm khi được Tổng Quản nhiệm ủy quyền, hoặc trường hợp Tổng Quản nhiệm không thể thi hành nhiệm vụ.

d. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt, Tổng Quản nhiệm không thể thi hành nhiệm vụ, được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng Quản nhiệm đồng ý thì Phó Tổng Quản nhiệm thay thế làm Quyền Tổng Quản nhiệm cho đến kỳ Đại hội đồng Tổng hội.

3. Tổng Thư ký:

a. Điều hành Văn phòng Tổng hội: Soạn thảo văn thư, văn bản, biên bản họp của Thường trực và Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội; phổ biến (thông báo, quyết định) và lưu trữ các văn bản, quản lý con dấu của Giáo hội.

b. Ký các văn bản, giấy tờ thuộc thẩm quyền; riêng các giấy tờ đặc biệt khác phải được sự ủy quyền của Thường trực hoặc Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

c. Chịu trách nhiệm giám sát tài chính, tài sản của Giáo hội; xem xét và đệ trình Thường trực Tổng hội các kế hoạch của các Tổng Ủy viên khu vực, Trưởng Ban Mục vụ, cơ quan, Ủy ban, Hội đồng, Hội thánh địa phương...

d. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt, Tổng Quản nhiệm và Phó Tổng Quản nhiệm không thể thi hành nhiệm vụ, được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng Quản nhiệm đồng ý thì Tổng Thư ký thay thế làm Quyền Tổng Quản nhiệm trong vòng ba (03) tháng, trong thời gian đó, Tổng Thư ký có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng bất thường để bầu cử lại chức danh Tổng Quản nhiệm và Phó Tổng Quản nhiệm.

4. Tổng Thủ quỹ:

a. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và lưu trữ các khoản: tài chính, tài sản, tài khoản và các loại giấy tờ có mệnh giá với biên nhận, chứng từ và hồ sơ tài sản rõ ràng.

b. Thực hiện thu chi theo quyết định của Ban Thường trực hoặc Tổng Quản nhiệm hoặc Phó Tổng Quản nhiệm. Khi thực hiện khoản chi lớn (trên 20 triệu đồng) phải được Ban Thường trực hoặc Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thông qua.

c. Lập sổ thu - chi với hồ sơ chứng từ đầy đủ, rõ ràng. Báo cáo thu - chi tài chính định kỳ: hàng tháng, hàng quý với Ban Thường trực Tổng hội, cuối năm với Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội và báo cáo tài chính với Đại hội đồng Tổng hội vào cuối nhiệm kỳ.

d. Trình sổ sách thu - chi cho Ban Thường trực Tổng hội bất cứ khi nào có yêu cầu và cho Ban Soát sổ của Đại hội đồng Tổng hội.

đ. Lập kế hoạch ngân sách cho Giáo hội và hỗ trợ công tác chuyên môn cho thủ quỹ các Hội Thánh địa phương, Điểm nhóm.

5. Tổng Ủy viên Thường Trực:

a. Thực hiện các nhiệm vụ do Ban Thường trực và Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ủy thác.

b. Thay mặt Ban Thường trực tiếp nhận các kiến nghị, các yêu cầu...; liên lạc và giúp đỡ các Tổng Ủy viên Mục vụ, các Trưởng ban, cơ quan và Hội Thánh địa phương trong công tác được giao.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổng ủy viên, trưởng ban mục vụ và cơ quan

1. Tổng Ủy viên:

a. Lên kế hoạch và mục tiêu để quản trị, chăm sóc thuộc linh các Hội Thánh địa phương trong tỉnh, thành được giao.

b. Tổ chức chương trình bồi linh, huấn luyện các Hội thánh địa phương, Điểm nhóm, các Quản nhiệm Hội Thánh.

c. Báo cáo định kỳ cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội về tất cả hoạt động và sự phát triển các Hội Thánh địa phương được giao.

2. Trưởng ban mục vụ và cơ quan:

a. Trình bày mục tiêu, kế hoạch của ban mục vụ và cơ quan cho Ban Thường trực Tổng hội xem xét quyết định.

b. Thực hiện mục tiêu, kế hoạch của Ban Mục vụ, Cơ quan đã được Ban Thường trực Tổng hội xét duyệt và báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất.

c. Triển khai các quyết định, thông báo của Tổng hội và tổ chức các chương trình thuộc lãnh vực của Ban Mục vụ và Cơ quan, để giúp phát triển Hội Thánh địa phương.

Điều 27. Đại Hội đồng và Hội đồng do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội tổ chức

1. Đại Hội đồng Tổng hội: Tổ chức bốn (04) năm một lần.

2. Đại Hội đồng Bồi linh toàn Giáo hội: Tổ chức theo nhu cầu.

3. Đại Hội đồng bất thường: Tổ chức khi có việc cấp thiết mà Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội không giải quyết được. Điều kiện triệu tập khi có ít nhất ba phần tư (3/4) thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội hiện diện biểu quyết đồng ý hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) Quản nhiệm Hội Thánh địa phương trong Giáo hội có văn bản yêu cầu.

4. Hội đồng Giáo phẩm (Mục sư, Truyền đạo): Tổ chức mỗi hai (02) năm một lần để bồi dưỡng tâm linh cho các cấp lãnh đạo; sơ kết nửa nhiệm kỳ của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội; đánh giá mục tiêu, kế hoạch phát triển Giáo hội.

5. Hội đồng Bồi linh cho khu vực, hoặc cho tỉnh, thành: Tổ chức hàng năm để bồi dưỡng tâm linh cho các nhân sự lãnh đạo, tín hữu trong tỉnh, thành hoặc khu vực.

Điều 28. Quyền hạn, nhiệm vụ Đại Hội đồng Tổng hội

1. Đại Hội đồng Tổng hội là Đại hội đại biểu của toàn Giáo hội do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội triệu tập và tổ chức.

2. Đại hội đồng Tổng hội có thẩm quyền cao nhất của Giáo hội, quyền lập hiến (thông qua hoặc tu chính Hiến chương), ban hành nghị quyết và điều hành hoạt động của Giáo hội.

3. Nhiệm vụ:

a. Đánh giá kết quả, quá trình hoạt động; xem xét việc chấp hành Hiến chương, công tác điều hành Giáo hội của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội nhiệm kỳ vừa qua.

b. Thông qua hoạch định mục tiêu, các kế hoạch và đường lối phát triển Giáo hội cho nhiệm kỳ mới.

4. Đại Hội đồng Tổng hội bầu cử Ban Thường trực Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội và thông qua các Tổng uỷ viên do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội trình theo đề xuất của Ban Thường trực Tổng hội theo nguyên tắc dân chủ, phiếu kín, quá bán.

5. Đại hội đồng Tổng hội trao quyền cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội điều hành công việc Giáo hội trong thời gian giữa hai (02) kỳ Đại hội đồng.

6. Thông qua việc thành lập các tiểu ban: Ban Thư ký, Ban Soát sổ, Phát – Thu phiếu và Kiểm phiếu, Ban Truyền thông và các Tiểu ban khác tùy theo nhu cầu, để phục vụ cho việc bầu cử Ban Thường trực Tổng hội. Các thành viên Ban Thường trực Tổng hội không được tham gia trong các tiểu ban này.

7. Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng khác của Giáo hội.

Điều 29. Đại biểu Đại hội đồng Tổng hội

1. Đại biểu Đại hội đồng Tổng hội gồm:

- Thành viên của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.
- Trưởng các Ban mục vụ, trưởng Cơ quan và trưởng các Hội đồng của Giáo hội
- Mục sư, Truyền đạo đương nhiệm;
- Người đại diện Điểm nhóm (trưởng điểm nhóm).
- Đại biểu Hội Thánh địa phương và điểm nhóm: Số lượng cụ thể do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội quyết định.

2. Đại biểu chính thức: Phải có uy tín trong Hội thánh; đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; không trong thời hạn chấp hành kỷ luật theo giáo luật của Giáo hội. Trường hợp bị kỷ luật giữa hai (02) kỳ đại hội thì không được tham gia ứng cử, đề cử.

Điều 30. Hội đồng Giáo phẩm

1. Thành phần Hội đồng Giáo phẩm gồm:

- Mục sư đoàn, gồm những mục sư đương chức đã được Giáo hội tấn phong;
- Truyền đạo đoàn, gồm các truyền đạo đương chức đã được Giáo hội tấn phong.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Giáo phẩm:

- Họp thường niên, bồi dưỡng linh vụ cho hàng giáo phẩm, thảo luận và xây dựng kế hoạch mục vụ cho Tổng hội, duyệt qua hiến chương hoặc tu chính (nếu có) trước khi trình Đại Hội đồng.

- Xác định các hệ phái Tin lành đồng tín lý hoặc dị giáo.

- Giám sát công việc và chất vấn Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội; đề xuất xử lý kỷ luật trong nội bộ; ứng cử và bầu cử cho chức danh: Chủ tịch Hội đồng Giáo phẩm, phó Chủ tịch thứ I (Trưởng Đoàn mục sư), phó Chủ tịch thứ II (Trưởng Đoàn Truyền đạo).

Điều 31. Cơ quan, Ban Mục vụ, Hội đồng của Giáo hội

1. Các Hội đồng: Quản trị Tài sản, Giáo phẩm

2. Các Ban Mục vụ, gồm: Ban Cơ đốc Giáo dục; Ban Truyền giáo; Ban Công tác-Xã hội; Ban Hỗ trợ Cai nghiện; Ban Phụ nữ; Ban Nam giới, Ban Thanh-Thiếu-Nhi; Ban Truyền thông...

3. Tùy theo nhu cầu và năng lực, Hội Đồng Quản nhiệm Tổng hội sẽ thành lập trường mầm non, dạy nghề, trung tâm giáo dục, trường Thánh kinh Thần học trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 32. Ban Đại diện tỉnh, thành phố

1. Tùy theo nhu cầu thực tế, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội sẽ thành lập Ban Đại diện tỉnh, thành phố. Ban Đại diện tỉnh, thành hoạt động theo Quy chế riêng do Hội Đồng Quản nhiệm Tổng hội ban hành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Nhiệm vụ của Ban Đại diện tỉnh, thành phố:

a. Đại diện cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội trực tiếp triển khai nghị quyết, quyết định, thông báo... của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội đến các Hội thánh, Điểm nhóm trực thuộc Tổng hội.

b. Đại diện cho các Hội thánh địa phương trong tỉnh, thành trước các cơ quan Chính quyền; hướng dẫn các Hội thánh, Điểm nhóm làm tốt mục vụ Giáo hội và nhiệm vụ xã hội.

Điều 33. Văn phòng Tổng hội

Văn phòng Tổng hội có chức năng soạn thảo, lưu trữ các văn kiện, văn thư của Giáo hội, nơi liên lạc giữa Tổng hội với Hội thánh địa phương và Điểm nhóm; giữa Tổng hội với các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

Điều 34. Lớp bồi dưỡng giáo lý

Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội mở các lớp Giáo lý hoặc uỷ quyền cho Ban Đại diện tỉnh, thành phố mở lớp Giáo lý để bồi dưỡng, nâng cao kiến thức kinh thánh, mục vụ cho hàng giáo phẩm và nhân sự trong khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển Giáo hội.

Chương IV

TẤN PHONG - BỔ NHIỆM – HỮU TRÍ – NGỪNG CHỨC - CÁCH CHỨC, THUYỀN CHUYỂN HÀNG GIÁO PHẨM

Điều 35. Chức sắc trong Giáo hội

Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam công nhận hai phẩm vị trong Giáo hội là Truyền đạo và Mục sư cho nam và nữ là công dân Việt Nam. Đây là thiên chức nên người được tấn phong phải nhận được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, có đạo đức tốt (ITi-mô-thê 3:1-7) và đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật và Hiến chương của Giáo hội.

Điều 36. Tiêu chí, điều kiện tấn phong truyền đạo

Người được tấn phong truyền đạo phải hội đủ các tiêu chí và điều kiện sau:

- Là tín hữu chính thức, có đời sống tin kính, đạo đức tốt, cá nhân và gia đình gương mẫu (I Ti-mô-thê 3:1-7); trung tín hầu việc Chúa, hết lòng tận tụy, yêu thương Hội thánh được giao. Có người phối ngẫu cùng đức tin, sinh hoạt trong Giáo hội và được Hội thánh địa phương tín nhiệm giới thiệu.

- Phục vụ Chúa trong công tác thực tiễn là 4 năm.

- Có đơn xin tấn phong Truyền đạo, giấy nhận xét, duyệt xét của Quản nhiệm Hội thánh và Tổng Ủy viên Mục vụ. Trường hợp người đề nghị tấn phong đồng thời là Quản nhiệm Hội thánh địa phương thì chỉ cần có giấy nhận xét của Tổng ủy viên mục vụ.

- Hoàn thành các khóa huấn luyện và có giấy chứng nhận Chương trình Thần học hoặc Mục vụ do Giáo hội tổ chức hoặc Giáo hội công nhận chương trình tương đương cùng tín lý.

- Tốt nghiệp khóa Đào tạo Công tác Truyền đạo - Mục sư của Giáo hội.

- Đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định.

Điều 37. Tiêu chí, điều kiện tấn phong Mục sư

Người được tấn phong mục sư phải hội đủ các tiêu chí và điều kiện sau:

- Là Truyền đạo;

- Được Hội thánh địa phương tín nhiệm giới thiệu;

- Quá trình hầu việc Chúa trong công tác Quản nhiệm Hội Thánh địa phương ít nhất là 5 năm;

- Tốt nghiệp tối thiểu Cao đẳng Mục vụ, Thần học hoặc chương trình Thần học tương đương được Tổng hội tổ chức hoặc công nhận.

- Tốt nghiệp khóa Đào tạo Công tác Truyền đạo - Mục sư của Giáo hội.

- Có đơn xin tấn phong Mục sư, giấy nhận xét, duyệt xét của Quản nhiệm Hội thánh địa phương và Tổng Ủy viên Mục vụ. Trường hợp người đề nghị tấn phong đồng thời là Quản nhiệm Hội thánh địa phương thì chỉ cần có giấy nhận xét của Tổng ủy viên mục vụ.

- Đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định.

Điều 38. Chức sắc khác gia nhập Giáo hội

1. Điều kiện đối với chức sắc từ hệ phái khác gia nhập Giáo hội:

a. Có cùng tín lý, sinh hoạt tối thiểu 6 tháng với Hội thánh địa phương của Giáo hội.

b. Có giấy chứng nhận phẩm vị: Mục sư, Trưởng lão, Truyền đạo...

c. Phải hoàn thành khóa huấn luyện về Hiến chương, tín lý, quy chế của Giáo hội.

d. Gửi hồ sơ đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định và đề nghị chuẩn nhận phẩm vị Mục sư hoặc Truyền đạo cho Giáo hội.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xem xét:

a. Quản nhiệm Hội thánh địa phương và Tổng Ủy viên Mục vụ tiếp nhận hồ sơ ứng viên để giới thiệu và gửi về Văn phòng Tổng hội xem xét (6-12 tháng).

b. Văn phòng Tổng hội xem xét và đệ trình Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội quyết định chấp thuận.

Điều 39. Trình tự và thẩm quyền thẩm vấn, tấn phong Truyền đạo, Mục sư

1. Tất cả hồ sơ ứng viên phải được gửi về Văn phòng Tổng hội, chuyển cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội xem xét để chấp thuận và tấn phong.

2. Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội xem xét đơn xin tấn phong Truyền đạo, Mục sư đã hội đủ các tiêu chuẩn của Giáo hội, đồng thời thành lập Ủy ban Tấn phong.

3. Ủy ban Tấn phong tiến hành thẩm vấn các ứng viên Truyền đạo, Mục sư theo Quy chế; sau khi đã hoàn thành, trình Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ký văn bản quyết định tấn phong.

4. Ủy ban Tấn phong tổ chức nghi thức lễ Tấn phong cho các ứng viên đã được Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội ký quyết định.

Điều 40. Bổ nhiệm, ngưng chức, cách chức, thuyên chuyển

Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội bổ nhiệm, ngưng chức, cách chức, thuyên chuyển đối với Truyền đạo, Mục sư và chức việc.

Điều 41. Nghỉ phép, hưu trí

1. Hàng Giáo phẩm đương chức được nghỉ phép thường niên 15 ngày.
2. Hưu trí:
 - a. Mục sư, Truyền đạo nam 65 tuổi và nữ 60 tuổi trở lên được quyền xin nghỉ hưu.
 - b. Mục sư, Truyền Đạo hưu trí và quả phụ chức sắc được hưởng chế độ trợ cấp theo quy chế của Tổng hội.

Chương V

CÁC TÍN LÝ TRỌNG YẾU CĂN BẢN

Chúng tôi tin rằng:

Điều 42. Kinh Thánh

Kinh Thánh là lời Đức Chúa Trời được Đức Thánh Linh soi dẫn cho các trước giả viết ra, do đó Kinh Thánh vô ngộ và chân xác (II Ti-mô-thê 3:16-17, I Phi-e-rơ 1:22-25).

Kinh Thánh gồm Cựu Ước (39 sách), Tân ước (27 sách) bày tỏ về Đức Chúa Trời, chân lý của Ngài và mối quan hệ (sự thông công) với con người.

Kinh Thánh là thẩm quyền tuyệt đối cho niềm tin, nếp sống Cơ Đốc và là lẽ thật phải rao truyền. (II Ti-mô-thê 3:15-17, Ma-thi-ơ 28:19-20).

Điều 43. Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời là Đấng Chân Thần duy nhất, Ngài là Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu, Đấng Tạo Hóa toàn năng tối cao, Đấng Hằng Sống đời đời (Phục 6:4; Ê-phê-sô 4:6; Ga-la-ti 3:20; Ê-sai 46:9-10, Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14, Sáng-thế Ký 1:1; Thi-thiên 19:1; Ê-sai 43:7; Khải-huyền 4:11; Thi-thiên 90:1-2).

Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho con người qua Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; Ba Ngôi hiệp một, đồng đẳng, đồng bản thể; cả Ba Ngôi là một Đức Chúa Trời (Giăng 17:3; 10:31,33; Công-vụ các Sứ-đồ 51-4; II Cô-rinh-tô 3:17-18, Phi-líp 2:6, Giăng 16:13-15; Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; I Cô-rinh-tô 12:3-6).

Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng, Toàn Tri, Toàn Tại, Thánh Khiết, Công Nghĩa, Yêu Thương, Nhân Từ, Thành Tín và là Đấng Cứu Chuộc nhân loại (Sáng-thế Ký 18:14; Ma-thi-ơ 19:26, Thi-thiên 139:1-6, Thi-thiên 139:7-10, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:11; Lê-vi Ký 11:45, Rô-ma 3:26, I Giăng 4:8, Giê-rê-mi 33:11, Thi-thiên 37:3, Thi-thiên 78:35).

Ngài kêu gọi con người yêu thương, tin cậy, thờ phượng, thông công và phục vụ duy chỉ Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:3, Mác 12:30).

Điều 44. Đức Chúa Jesus Christ

Đức Chúa Jesus Christ là Đức Chúa Trời Ngôi Hai trở thành nhục thể qua sự thai dưng của Đức Thánh Linh sinh ra bởi trinh nữ Ma-ri (Ma-thi-ơ 2:20-21; Lu-ca 1:31-35; Giăng 1:14).

Đức Chúa Jesus Christ là Đấng Thần Nhân; Ngài mang nhân tính trọn vẹn và thần tính trọn vẹn (Giăng 1:1-3; Cô-lô-se 1:15-16).

Đức Chúa Jesus Christ Giáng sinh đến trần gian để thi hành ý định của Đức Chúa Trời qua sự chịu chết trên thập tự giá. Ngài cung ứng sự Cứu rỗi cho nhân loại và là Đấng Trung Bảo duy nhất. Ngài đã Phục sinh, Thăng thiên và đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Ngài sẽ trở lại trong Vinh Quang và Quyền Năng để phán xét người sống và kẻ chết (Giăng 3:16, Lu-ca 2:11; Rô-ma 5:8, I Ti-mô-thê 2:5; Hê-bơ-rơ 9:15, I Cô-rinh-tô 15:3-4, Công-vụ các Sứ-đồ 1:9, Mác 16:19; Hê-bơ-rơ 10:12, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16).

Điều 45. Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời Ngôi ba, đồng đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Ngài là một thân vị riêng biệt. Đức Thánh Linh là Đấng Hằng Hữu, Đấng Đòi Đòi, Đấng Toàn Tri, Đấng Toàn Năng (Công-vụ các Sứ-đồ 5:3-4, Ma-thi-ơ 28:19, Ê-phê-sô 4:30; Hê-bơ-rơ 10:29; Ma-thi-ơ 12:31, Thi-thiên 139:7-10, Hê-bơ-rơ 9:14, I Cô-rinh-tô 2:10, Lu-ca 1:35).

Đức Thánh Linh là Thần Lẽ Thật, Đấng cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công bình và sự phán xét (Giăng 16:8-11).

Đức Thánh Linh là Đấng Tái tạo, Thánh hóa, Ấn chứng trong mỗi người tin nhận Chúa Cứu Thế Jesus cho đến ngày cứu chuộc trọn vẹn (Giăng 3:5-7, II Cô-rinh-tô 5:17).

Đức Thánh Linh ban quyền năng và các ân tứ để làm chứng về Đức Chúa Jesus; Ngài dạy dỗ, cầu thay, ban quyền năng đắc thắng, chữa lành và sản sinh bông trái tốt lành cho người tin Ngài (Công-vụ các Sứ-đồ 1:8, Giăng 14:26, Rô-ma 8:26, Rô-ma 7:18, Ga-la-ti 5:19-23).

Đức Thánh Linh là Đấng khai sanh, dẫn dắt, bảo vệ và kiện toàn Hội Thánh (Rô-ma 8:14; Ga-la-ti 5:14).

Điều 46. Công cuộc sáng tạo

Đức Chúa Trời đã dựng nên muôn loài vạn vật trong sự tốt lành, trật tự với sự khôn ngoan kỳ diệu của Ngài. Sự sáng tạo bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời. (Sáng-thế Ký 1-2; Thi-thiên 19:1)

Con người là tạo vật ưu mỹ được Đức Chúa Trời tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài. (Thi-thiên 8:4-5; Sáng-thế Ký 1:26-27).

Điều 47. Công cuộc cứu chuộc

Loài người được tạo dựng là tốt lành nhưng do không vâng phục Đức Chúa Trời nên con người phạm tội, hoàn toàn sa ngã, bị phân cách với Đức Chúa Trời.

Bị định tội và không thể tự cứu, do đó con người phải nhờ đến ân điển cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ. (Sáng-thế Ký 1:26-28; 3:6-8,13; Rô-ma 3:23;5:12; Ê-phê-sô 2:1-3, 8-9).

Đức Chúa Jesus Christ đã thực hiện sự cứu chuộc cho nhân loại bởi sự đổ huyết trên thập tự giá để chuộc tội cho những người tin nhận Ngài. (Rô-ma 3:24; Cô-lô-se 1:19-21; I Phi-e-rơ 1:19; 2:23).

Sự Cứu rỗi hoàn toàn do ân điển của Đức Chúa Trời, tội nhân được Đức Thánh Linh cảm động để ăn năn và tin Đức Chúa Jesus Christ khi Lời Đức Chúa Trời được rao giảng. (Ê-phê-sô 2:8-9; Rô-ma 10:17)

Người tin nhận Đức Chúa Jesus Christ nhận được sự tha tội, tái sinh, phục hòa với Đức Chúa Trời. Được Đức Thánh Linh dẫn dắt, được xưng công bình, được nên thánh trong địa vị làm con Đức Chúa Trời. (Cô-lô-se 1:14; Ma-thi-ơ 26:28; Giăng 3:3; Ê-phê-sô 1:7; II Cô-rinh-tô 5:18-19; Rô-ma 8:30)

Điều 48. Hội Thánh

Hội thánh là cộng đồng dân sự của Đức Chúa Trời, do Đức Chúa Jesus thiết lập, làm Đầu để thờ phượng và làm theo ý muốn Ngài (Cô-lô-se 1:18; Ê-phê-sô 4:10-11; Công-vụ các Sứ-đồ 13:1-3).

Hội thánh phổ thông là những người đã được cứu, nhờ Đức Thánh Linh kết hiệp trong Đức Chúa Jesus Christ (I Cô-rinh-tô 12:12-13).

Hội thánh được lãnh đạo, dẫn dắt và kiện toàn bởi Đức Thánh Linh. Vì vậy, sự vận hành các ân tứ của Đức Thánh Linh như cầu nguyện, chữa lành, đuổi quỷ, nói tiên tri, cầu nguyện tiếng mới... được tôn trọng và khuyến khích thực hiện trong bối cảnh thích hợp để gây dựng Hội thánh.

Điều 49. Thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời

Hội Thánh cùng nhóm lại ngày thứ nhất (Chúa Nhật), để thờ phượng Đức Chúa Trời và học hỏi lời Chúa, là ngày vui mừng, cảm tạ và chia sẻ Đức Chúa Jesus Christ phục sinh; là ngày nghỉ của con dân Chúa (Công-vụ các Sứ-đồ 20:7; I Cô-rinh-tô 16: 2; Hê-bơ-rơ 10:25).

Hội thánh thờ phượng Đức Chúa Trời bằng tâm thần và lẽ thật qua ca vịnh, sử dụng các nhạc cụ, biểu lộ bằng những hình thức khác nhau nhằm tôn kính và ngợi khen Đức Chúa Trời (Giăng 4:24; Cô-lô-se 3:16; Khải-huyền 4:9- 11)

Điều 50. Gia đình Cơ đốc

Gia đình Cơ Đốc phải tôn Đức Chúa Jesus Christ là Chúa, là Chủ. Mọi thành viên phải kính Chúa và yêu thương nhau.

Hội thánh không chấp thuận việc ly hôn, ngoại trừ trường hợp ngoại tình.

Hội thánh không chấp nhận luyến ái ngoài hôn nhân, không chấp nhận đồng tính, đa thê, loạn luân, vô luân.

(Hê-bơ-rơ 13:4; Ma-thi-ơ 19:9; Sáng-thế Ký 19:1-11; Ê-phê-sô 5:22-23; I Cô-rinh-tô 7:7-9,32; Rô-ma 1:26;27).

Điều 51. Rao giảng Tin Lành

Truyền bá Phúc Âm là đặc quyền và là nhiệm mạng quan trọng của những người tin nhận Đức Chúa Jesus Christ; là công tác ưu tiên nhằm mở mang vương quốc trên đất đầu gặp thời hay không gặp thời. (Ma-thi-ơ 28:18-20; Mác 16:15; Công-vụ các Sứ- đồ 1:8; I Ti-mô-thê 4:1-5; Ma-thi-ơ 24:14).

Điều 52. Lễ Báp-têm và Tiệc thánh

Báp-têm là Thánh lễ được Hội thánh cử hành cho người tiếp nhận Đức Chúa Jesus Christ làm Cứu Chúa đời sống mình. Báp-têm là công xưng đức tin của người tin Đức Chúa Jesus Christ với Đức Chúa Trời, với Hội Thánh và với mọi người (Ma-thi-ơ 28:19-20; Mác 16:16; Công-vụ các Sứ- đồ 2:38).

Lễ Tiệc thánh do Đức Chúa Jesus thiết lập cho Hội thánh, để bày tỏ sự hiệp thông với Chúa và các tín hữu với nhau qua sự hy sinh chịu chết của Đức Chúa Jesus Christ, nhằm kết ước thực hiện nhiệm mạng rao giảng Tin lành. (I Cô-rinh-tô 11:23-29, Lu-ca 22:19-29).

Điều 53. Trách nhiệm xã hội

Hội Thánh thể hiện tình yêu của Đức Chúa Jesus Christ qua hành động tương thân tương ái với cộng đồng và người lân cận (Lu-ca 10:27; Gia-cơ 1:27, 2:14-17).

Thực hiện nghĩa vụ của công dân, cầu nguyện cho các bậc cầm quyền, chấp hành luật pháp, tích cực tham gia công tác xã hội, bảo vệ môi trường (I Ti-mô-thê 2:12; Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rơ 2:13-17).

Điều 54. Sự Tái lâm của Chúa Jesus Christ

Đức Chúa Jêsus Christ sẽ tái lâm cách thình lình, bất ngờ và không ai biết được chính xác thời gian (Giăng 14:1-4; Ma-thi-ơ 24:30-36, 42, Khải 3:3).

Đấng Christ tái lâm, tiếp rước Hội thánh Ngài để cùng dự tiệc cưới Chiên Con. Các thánh đồ sẽ ở cùng Ngài trong trời mới đất mới. (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17, Khải-huyền 19:6-10, II Phi-e-rơ 3:10-13; Khải-huyền 21:1-4,22).

Điều 55. Sự Sống lại và Sự Xét đoán

Mọi người sẽ sống lại theo thứ tự riêng:

Người tin nhận Đức Chúa Jesus Christ sẽ sống lại để hưởng phước. Người không tin sẽ sống lại để chịu đoán xét.

Cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ thi hành sự phán xét: Các Thánh Đồ được hưởng sự sống đời đời.

Người khước từ ơn Cứu rỗi chịu khổ hình một cách có ý thức trong hồ lửa đời đời chung với ma quỷ.

(I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16; I Cô-rinh-tô 15:42-45; Giăng 5:28-30; Khải-huyền 20:10-15; 21:1-8).

Điều 56 . Bài Tín Điều Các Sứ Đồ

Tôi tin Đức Chúa Trời Toàn Năng là Cha, là Đấng dựng nên trời đất.

Tôi tin Jesus Christ là Con độc sanh của Đức Chúa Trời và Chúa chúng ta; Ngài được thai dựng bởi Thánh Linh, sinh bởi nữ đồng trinh Ma-ri; chịu thương khó dưới tay Bôn-xơ Phi-lát, bị đóng đinh trên Thập tự giá, chịu chết và chôn; Ngài xuống âm phủ; đến ngày thứ ba, Ngài từ kẻ chết sống lại; Ngài thăng thiên, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời Toàn Năng là Cha; từ đó Ngài sẽ trở lại để đoán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin Thánh Linh. Tôi tin Hội Thánh phổ thông, sự cảm thông của thánh đồ, sự tha tội, sự sống lại của thân thể, và sự sống đời đời. A-MEN.

Chương VI

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 57. Tài sản của Giáo hội

Tài sản của Giáo hội bao gồm: Động sản, bất động sản; các tài khoản và các loại giấy tờ có mệnh giá, được hình thành do quyên góp, dâng, tặng hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Hội đồng Quản trị tài sản của Giáo hội

1. Khi có tư cách pháp nhân, Giáo hội có quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Quản trị Tài sản của Giáo hội do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thành lập, hoạt động theo quy chế riêng và được ủy quyền theo nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị Tài sản có quyền nhân danh Giáo hội quản trị, mua bán, dịch chuyển, cho mượn theo quyết định bằng văn bản của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội và thực hiện công khai đúng quy định của pháp luật.

3. Tài sản dâng hiến hợp pháp cho Tổng hội hoặc cho Hội thánh địa phương sẽ thuộc quyền sở hữu của Giáo hội do Hội đồng Quản trị Tài sản quản trị.

Điều 59. Thành phần Hội đồng Quản trị Tài sản Giáo hội

1. Chủ tịch: Mục sư Tổng Quản nhiệm đương nhiệm.
2. Phó chủ tịch: Mục sư Tổng Thủ quỹ đương nhiệm.
3. Thư ký
4. Ủy viên pháp chế
5. Ủy viên kiểm soát

Điều 60. Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị Tài sản Giáo hội

1. Thực hiện quyền của Hội đồng Quản trị Tài sản nhân danh Giáo hội sau khi Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thành lập và chấp thuận bằng văn bản (xem điều 57.2).

2. Hội đồng Quản trị Tài sản: Được quyền quản lý, sử dụng, mua bán, dịch chuyển, cho mượn, cho thuê; quyền tiếp nhận tài sản do dâng hiến, cho, tặng và mua, bán theo quy định của pháp luật và quyết định (văn bản) của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

3. Thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến tài sản của Giáo hội. Chi phí để thực hiện công tác quản trị tài sản Giáo hội do Tổng hội đảm trách.

Điều 61. Ban Quản lý Tài sản địa phương

1. Ban Quản lý Tài sản địa phương được thực hiện quyền của mình nhân danh Hội thánh địa phương sau khi Thường trực Tổng hội chấp thuận bằng văn bản.

2. Ban Quản lý Tài sản địa phương được ủy quyền: quản lý, sử dụng, cho mượn, cho thuê nhưng không được sang nhượng, mua bán; quyền tiếp nhận tài sản do dâng hiến, cho, tặng theo quy định của Hội đồng Quản trị Tài sản.

3. Thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến tài sản của Hội Thánh địa phương. Chi phí để thực hiện công tác quản lý tài sản do Hội Thánh địa phương đảm trách.

Điều 62. Quyền thu hồi tài sản

Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội có quyền quyết định thu hồi tài sản của Giáo hội theo quy định của pháp luật, Hiến chương của Hội thánh trong các trường hợp sau:

1. Khi bị chiếm dụng, chiếm đoạt trái phép.
2. Khi bị sử dụng sai mục đích, sai đối tượng đã được Giáo hội quy định.
3. Khi bị mua bán, sang nhượng, cho thuê, dịch chuyển không đúng với quy định của Giáo hội và pháp luật Nhà nước.
4. Khi Hội Thánh địa phương hay Cơ quan giải thể.
5. Khi rời khỏi tổ chức Hội Thánh Tin Lành Liên Hiệp Truyền Giáo Việt Nam.

Điều 63. Tài chính của Tổng hội

1. Phần thu của Tổng hội
 - a. Thu từ các Hội Thánh địa phương tối thiểu là phần mười (1/10) và các của lạc hiến hằng tháng.
 - b. Thu từ các khoản dâng hiến cho lễ hội, cho những chương trình của Giáo hội.
 - c. Thu từ các ân nhân, các hoạt động gây quỹ và các nguồn thu hợp pháp khác.
2. Phần chi của Tổng hội
 - a. Chi cho công tác điều hành Giáo hội.
 - b. Chi cho văn phòng Tổng hội.
 - c. Chi cho lễ hội của Giáo hội và các Đại hội đồng
 - d. Chi hỗ trợ các chương trình Hội thánh địa phương theo quyết định của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

- e. Chi phụ cấp cho lãnh đạo.
- f. Các khoản chi khác theo quyết định của Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.

Chương VII

KỶ LUẬT TRONG GIÁO HỘI

Điều 64. Mục đích kỷ luật:

Kỷ luật của Giáo hội không nhằm mục đích loại trừ nhưng để giữ vững lẽ thật, tôn cao Đức Chúa Trời và cho người vi phạm nhận thức tội lỗi, ăn năn để được phục hồi mối thông công, trở lại cùng gia đình Đức Chúa Trời (Hội thánh).

Điều 65. Các hành vi được kể là vi phạm

1. Vi phạm tín lý: Khi một hay nhiều người hành động trái với tín lý đã quy định trong phần Tín Lý Chương V.
2. Vi phạm đạo đức: Hành vi điển hình như ngoại tình, tà dâm, loạn luân, vô luân, đồng tính luyến ái; biển thủ, chiếm đoạt tài sản của Giáo hội... (Giáo luật quy định).

Điều 66. Phân cấp đề xuất quyết định kỷ luật

1. Tín hữu và chấp sự vi phạm thì quyền đề xuất quyết định kỷ luật thuộc về Ban Quản nhiệm Hội Thánh địa phương.
2. Đối với Quản nhiệm, mục sư, truyền đạo và các thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội vi phạm thì quyền đề xuất quyết định kỷ luật thuộc về Hội đồng kỷ luật.

Điều 67. Hội đồng Kỷ luật:

1. Hội đồng Kỷ luật do Thường trực Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thành lập khi có nhu cầu.
2. Số thành viên từ 03 đến 05 người, gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký và các Ủy viên.

Điều 68. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Kỷ luật

1. Có nhiệm vụ: Xem xét những đơn tố cáo liên quan đến tín lý, đạo đức của Quản nhiệm Hội Thánh địa phương, mục sư, truyền đạo và thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội.
2. Triệu tập các bên liên quan để xem xét trình bày, đối chất.
3. Kết luận vụ việc phải được ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Kỷ luật đồng ý bằng văn bản, sau đó chuyển sang Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội để xem xét thi hành các biện pháp kỷ luật.

Điều 69. Trình tự kỷ luật

1. Đối với chấp sự và tín hữu: Khi có thông tin hoặc đơn tố cáo minh danh vi phạm tín lý, đạo đức. Ban Quản nhiệm Hội Thánh địa phương phải xem xét, gặp gỡ đương sự để nghe lời trình bày, biện hộ. Khi đã có kết luận, Ban Quản nhiệm đề xuất kỷ luật bằng văn bản gửi cho Tổng Ủy viên Mục vụ khu vực chuyển Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội để ra quyết định thi hành kỷ luật.

2. Đối với Quản nhiệm Hội Thánh địa phương, mục sư, truyền đạo và thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội, thành viên Ban Đại diện, trưởng ban mục vụ, cơ quan, hội đồng: Khi có thông tin hoặc có đơn tố cáo minh danh một lãnh đạo nào vi phạm tín lý, đạo đức, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thành lập Hội đồng kỷ luật để giải quyết đơn tố cáo. Hội đồng Kỷ luật phải xem xét, gặp gỡ đương sự để nghe lời trình bày, biện hộ. Khi đã có kết luận, Hội đồng Kỷ luật đề xuất kỷ luật bằng văn bản gửi cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội để ra quyết định thi hành kỷ luật.

3. Hình thức và mức độ kỷ luật phải được 2/3 thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội quyết định chấp thuận.

4. Trong trường hợp vụ việc liên quan đến bất cứ thành viên nào trong Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội thì thành viên đó không được tham gia phiên họp xem xét và quyết định thi hành kỷ luật.

Điều 70. Biện pháp kỷ luật

1. Đối với tín hữu và chấp sự: Khi xét thấy đã thật sự vi phạm, sai phạm và có kết luận của Ban Quản nhiệm Hội thánh địa phương. Tùy vào mức độ, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội sẽ ủy thác cho Tổng Ủy viên Mục vụ khu vực thi hành một trong các biện pháp kỷ luật sau:

- a. Nhắc nhở
- b. Cảnh cáo
- c. Tạm ngưng dự Tiệc Thánh (có thời hạn, tối đa ba (03) tháng)
- d. Dứt phép thông công

2. Đối với Quản nhiệm Hội Thánh địa phương, mục sư, truyền đạo và thành viên Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội: khi xét thấy đã thật sự vi phạm, sai phạm và có kết luận của Hội đồng Kỷ luật thì Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội sẽ ra quyết định thi hành một trong các biện pháp kỷ luật sau:

- a. Nhắc nhở
- b. Cảnh cáo
- c. Tạm ngưng mục vụ (có thời hạn)
- d. Ngưng chức vụ (có thời hạn)
- e. Bãi nhiệm
- f. Cách chức
- g. Dứt phép thông công

Chương VIII

TU CHÍNH HIẾN CHƯƠNG

Điều 71. Quyền tu chính Hiến chương

1. Quyền tu chính Hiến chương thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Tổng hội với điều kiện phải được ít nhất bảy mươi phần trăm (70%) tổng số phiếu chấp thuận của Đại Hội đồng.

2. Đề nghị tu chính Hiến chương do Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội đệ trình trước Đại Hội đồng Tổng hội.

3. Hội Thánh địa phương, mục sư, truyền đạo và tín hữu đề nghị sửa đổi điều, khoản nào trong Hiến chương này phải gửi bằng văn bản cho Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội trước ngày khai mạc Đại Hội đồng ít nhất sáu (06) tháng.

4. Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội có nhiệm vụ xem xét và trình bày trước Đại Hội đồng Tổng hội. Trường hợp không thông qua những đề nghị sửa đổi, Hội đồng Quản nhiệm Tổng hội phải trả lời bằng văn bản.

Điều 72. Tổng số chương, điều, khoản của Hiến chương

1. Bản Hiến chương này gồm có 08 chương 72 điều, có hiệu lực thi hành kể từ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Tất cả các văn kiện, điều lệ và quy chế đã ban hành trước đây trái với Hiến chương này không còn hiệu lực.

3. Để thi hành Hiến chương còn có các văn bản: Quy chế, Nội quy, Giáo luật. Tuy nhiên, các văn bản này không được trái hoặc xa rời với Hiến chương./.